

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 9 – 2022

V/v : “Yêu cầu không công nhận vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe, ông Rmah In

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên
tòa:** Ông Lâm Văn Tiến – kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Hồ Phi L, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Phi L chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2001 đến nay có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và ông L có 3 con chung là Hồ Phi L1, sinh ngày 24/3/2002; Hồ Bảo H, sinh ngày 07/01/2009 và cháu Hồ Bảo

N, sinh ngày 22/7/2011.

Từ khi chung sống đến nay, vợ chồng hầu như không hòa thuận, không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về lối sống cũng như cách sinh hoạt nên thường xuyên cãi vã. Đến năm 2012, ông bà xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông Hồ Phi L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Hồ Phi L1, sinh ngày 24/3/2002 đã trên 18 tuổi, có sức khỏe tốt, có thể tự lập nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà có nguyện vọng giao hai cháu Hồ Bảo H, sinh ngày 07/01/2009; Hồ Bảo N, sinh ngày 22/7/2011 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Hồ Phi L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thùy D chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2001 đến nay không đi đăng ký kết hôn và có 03 con chung như bà D đã trình bày.

Quá trình chung đến năm 2012, ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về lối sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Nay bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu không công nhận vợ chồng thì ông đồng ý và yêu cầu Tòa án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng.

Cháu Hồ Phi L1, sinh ngày 24/3/2002 đã trên 18 tuổi, có sức khỏe tốt, có thể tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đồng ý giao hai cháu Hồ Bảo H, sinh ngày 07/01/2009; Hồ Bảo N, sinh ngày 22/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Hồ Bảo H trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ vì mẹ quan tâm, chăm sóc cháu và thường xuyên ở nhà với cháu hơn bố.

Tại bản tự khai, cháu Hồ Bảo N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ vì mẹ quan tâm cháu hơn bố còn bố thường xuyên vắng

nhà, ít quan tâm đến con.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thuỳ D và ông Hồ Phi L vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về thu phí, lệ phí, án phí. Đề nghị:

Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thuỳ D và ông Hồ Phi L.

Về con chung: Cháu Hồ Phi L1 đã trên 18 tuổi, có sức khỏe tốt, có thể tự lập, các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa ông Hồ Phi L và bà Nguyễn Thị Thuỳ D về việc giao cháu Hồ Bảo H, sinh ngày 07/01/2009 và cháu Hồ Bảo N, sinh ngày 22/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Hồ Phi L và bà Nguyễn Thị Thuỳ D có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà D khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Hồ Phi L, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Phi L và bà Nguyễn Thị Thuỳ D chung sống từ năm 2001 đến nay, mặc dù có cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (qua lời trình bày của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương). Việc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Nay bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: xét thấy các đương sự tự nguyện thỏa thuận giao hai con chung Hồ Bảo H và cháu Hồ Bảo N cho bà Nguyễn Thị Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

Cháu Hồ Phi L1 đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: ông L và bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ D. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thuỳ D và ông Hồ Phi L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Hồ Phi L và bà Nguyễn Thị Thuỳ D: giao Hồ Bảo H, sinh ngày 07/01/2009 và cháu Hồ Bảo N, sinh ngày 22/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thuỳ D cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Hồ Phi L thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013172 ngày 28 – 6 - 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk .

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

-TANDTC
-TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Bông
-Các DS
- Chi cục THADS huyện Krông Bông
- UBND thị trấn K
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm